

Bản án số: 09/2026/HS-ST

Ngày 22 - 01 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4-NGHỆ AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Lĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Hữu Thỏa và bà Hồ Thị Thúy Hằng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4-Nghệ An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Nghệ An tham gia phiên tòa:** Ông Văn Đức Châu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại điểm cầu chính trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4-Nghệ An, điểm cầu thành phần Trại tạm giam công an tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai, trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 92/2025/TLST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2026/QĐXXST-HS ngày 09/01/2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Đình T**, sinh ngày 21/10/1995 tại xã Q, tỉnh Nghệ An; tên gọi khác: Không; CCCD số 040095013682; nơi cư trú: Thôn B Q (thôn H cũ), xã Q, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn thể: Không; con ông Trần Đình T1, sinh năm 1971 và con bà Vũ Thị L, sinh năm 1974; có vợ Phùng Thị C, sinh năm 1997 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 13/7/2019 có hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” bị Công an huyện Q, tỉnh Nghệ An xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 273/QĐ-XPHC ngày 20/7/2019. Đã chấp hành xong. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/8/2025 cho đến nay tại trại tạm giam Công an tỉnh N. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Phạm Văn T2**, sinh ngày 26/4/1995 tại tỉnh Nghệ An; tên gọi khác: Không; CCCD số 040095031130; nơi cư trú: Thôn A Q (xóm A cũ), xã Q, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn

thể: Không; con ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1974 và con bà Vũ Thị M, sinh năm 1978; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 29/12/2020, bị TAND huyện Quỳnh Lưu xử phạt 15 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/9/2021) đã được đương nhiên xóa án tích; bị cáo tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/8/2025 đến nay tại trại tạm giam công an tỉnh N. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

3. Họ và tên: **Phan Thị L1**, sinh ngày 25/8/1987 tại tỉnh Nghệ An; tên gọi khác: Không; CCCD số 040187024727; nơi cư trú: Xóm B (xóm A cũ), xã V, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn thể: Không; con ông Phan Trọng H (đã chết) và con bà Phạm Thị H1 (đã chết); có chồng Đặng Đình L2, sinh năm 1985 (đã ly hôn) và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/8/2025 cho đến nay tại trại tạm giam Công an tỉnh N. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên **Nguyễn Thế C1**, sinh ngày 10/7/1978 tại tỉnh Nghệ An; tên gọi khác: Không; CCCD số 040078015181; nơi cư trú: Xóm Y, xã G, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn thể: Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 07-QĐ/UBKTĐU ngày 27/11/2025 của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy xã G; con ông Nguyễn Thế H2 (đã chết) và con bà Phan Thị C2, sinh năm 1945; có vợ Lê Thị T3, sinh năm 1976 và có 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/11/2025 cho đến nay tại trại tạm giam Công an tỉnh N. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Lương Thị Thu L3, sinh năm 2005. Địa chỉ: Bản P, xã N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Anh Hồ Bá Đ1, sinh năm 1996. Vắng mặt.

- Người chứng kiến: Chị Hồ Thị L4, sinh năm 1967. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 12 giờ 15 phút ngày 13/8/2025, Công an xã Q tiến hành kiểm tra phòng hát số 03 quán K4 phát hiện bắt quả tang Trần Đình T, Phạm Văn T2, Phan Thị L1 và Lương Thị Thu L3 có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Thu giữ 01 chai nhựa trong suốt có nắp màu xanh, bị biến dạng, co quắp cao 21cm, ở 1/3 từ dưới lên có 01 lỗ tròn đường kính 01cm; 01 ống hút bằng tre

khô, màu nâu, dài 10cm, đường kính 01cm; 01 mẫu giấy bạc đã bị cháy đen 2/3, kích thước (4x1)cm; 02 cái bật lửa màu đỏ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone Xr màu đen của Trần Đình T và 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone màu xanh của Phạm Văn T2.

Sau khi lập biên bản người phạm tội quả tang, Công an xã Q phối hợp Phòng K5 Công an tỉnh N tiến hành khám nghiệm hiện trường, quá trình khám nghiệm, mở rộng hiện trường phát hiện tại khu vực dưới gầm cầu thang đi lên tầng 2, vị trí cách mép cửa ra vào phía tây phòng số 03 về hướng Bắc 2,2m, nằm ngay mép chân tường phía tây phát hiện: 01 túi giấy màu trắng, bên ngoài quấn dây thun màu trắng, bên trong chứa hai gói giấy, bên trong mỗi gói giấy có chứa các chất bột màu trắng nghi là ma túy loại heroine và 01 POD thuốc lá điện tử bằng nhựa, màu xanh trắng, kích thước (11x2) cm, bên trong lòng ống POD có chứa 64 viên nén màu hồng, nghi là ma túy loại hồng phiến.

Xét thấy vụ việc thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N. Vì vậy, Công an xã Q đã bàn giao vụ việc cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N để điều tra theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra đã xác định: Vào sáng ngày 13/8/2025, Phạm Văn T2 rủ Hồ Bá Đ1 đến quán K4 tại thôn I Cầu G, xã Q, tỉnh Nghệ An hát Karaoke thì Đại đồng ý. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, cả T2 và Đ1 đến quán K4 do chị Hồ Thị L4 làm chủ. Tại đây, T2 đã thuê phòng hát số 03 của quán đồng thời gọi hai nhân viên nữ là Lương Thị Thu L3 và Trần Thị N vào phòng để hát và rót bia. Một lúc sau, Phan Thị L1 là nhân viên quán hát karaoke An K được Đ1 mời vào phòng hát số 03 để hát. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, trong lúc đang hát Karaoke, do muốn có ma túy để tổ chức sử dụng và biết Trần Đình T là người nghiện ma túy, thường xuyên có ma túy ở trong người nên Phạm Văn T2 đã điện thoại, nhắn tin qua ứng dụng Zalo của mình cho T rủ T đưa ma túy đến phòng hát số 03 quán K4 để sử dụng thì T đồng ý. Khoảng 11 giờ cùng ngày, Trần Đình T cầm theo 67 viên ma túy loại hồng phiến được để trong chiếc POD thuốc lá điện tử bằng nhựa màu xanh, trắng và một gói ma túy loại heroine mà T mua được trước đó đi đến quán K4. Khi đến trước phòng hát số 03 của quán, T lấy ra 03 viên ma túy loại hồng phiến gói vào mảnh giấy bạc rồi cất dấu vào túi quần đang mặc nhằm mục đích đưa vào phòng hát số 03 để tổ chức sử dụng. Số ma túy còn lại gồm 64 viên ma túy loại hồng phiến và gói ma túy loại heroine T cất dấu ở mép bờ tường sau bình chữa cháy dưới gầm cầu thang phía ngoài phòng hát số 03 quán K4 nhằm mục đích để sử dụng dần. T vào phòng hát số 03 cùng hát, uống bia với mọi người. Tại đây, T muốn tổ chức sử dụng ma túy nên có hỏi T2 “Chơi đây có được không” (tức là sử dụng ma túy ở đây được không)

thì T2 trả lời “Chơi được” (tức là sử dụng ma túy ở đây được). Lúc này, Phan Thị L1 biết được T và T2 đang trao đổi việc tổ chức sử dụng ma túy ở trong phòng hát nên L1 nói “Các cậu định chơi đồ à, K1, K2 hay là cái chi” (tức là hỏi T2 và T là chơi loại ma túy gì), T nói “Có vài viên H3 thôi” (tức là có 2 đến 3 viên ma túy loại hồng phiến thôi) thì L1 nói “Nếu như cậu mang nhiều thì mang ra khỏi phòng đi, nếu chơi thì chơi vài con thôi” (tức là bảo T nếu đưa nhiều ma túy thì đem ra khỏi phòng hát khỏi bị Công an phát hiện, bắt giữ và đồng ý cho mọi người sử dụng khoảng 2 đến 3 viên ma túy loại hồng phiến trong phòng hát). Khi nghe T, T2 và L1 trao đổi về việc sử dụng ma túy trong phòng hát thì Hồ Bá Đ1 ra về, khi vừa đi ra khỏi phòng, Đ1 gặp Trần Thị N đi vệ sinh vào, Đ1 rủ N đi vào phòng hát số 02 ở cạnh đó ngồi nói chuyện với nhau. Thời điểm này, tại phòng hát số 03 Thịnh muốn lấy chai nước lọc loại 500ml để trên bàn để làm dụng cụ sử dụng ma túy. Do nhạc to nên T dùng tay chỉ vào chai nước để trên bàn và mắt nhìn thẳng về hướng L1 (ý T nói với L1 là lấy chai nước lọc ở trên bàn làm dụng cụ sử dụng ma túy). L1 hiểu ý T là lấy vỏ chai nước lọc để trên bàn để làm dụng cụ sử dụng ma túy nên L1 lấy 01 chai nước lọc loại 500ml ở trên bàn, do trong chai đang còn nước nên L1 đã đổ nước trong chai ra chiếc cốc nhưng không hết nước, L1 lại tiếp tục đổ nước vào trong xô đựng đá ở cạnh đó, khi trong chai đã hết nước, L1 đưa vỏ chai nước đó cho T để T làm dụng cụ sử dụng ma túy. T cầm lấy vỏ chai nước mà L1 đưa. Sau đó, T dùng chiếc bật lửa hơi phía ngoài vỏ chai nhựa cho nóng lên rồi đưa điều thuốc lá đang cháy đục thủng một lỗ trên vỏ chai nước lọc để cắm ống hút vào. Tiếp đó, T lấy trong túi xách của T mang theo ra một ống hút bằng tre khô và một mảnh giấy bạc để làm bộ dụng cụ sử dụng ma túy. Lúc này, T lấy trong túi quần của mình ra gói giấy bên trong có 03 viên ma túy loại H3 phiến rồi để lên tờ giấy bạc để đốt và sử dụng bằng hình thức hút khói qua miệng. Khi thấy T đang sử dụng ma túy tại phòng hát số 03, do sợ bị người khác ở phía ngoài phát hiện việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên L1 lấy một tờ giấy lau nhúng nước ướt và dán tờ giấy lau đó lên ô kính của cửa phòng hát ra vào. Sau khi đã sử dụng ma túy, T để bộ dụng cụ sử dụng và ma túy lên bàn để cho mọi người cùng sử dụng tiếp. Lúc này T2 cầm lấy bộ dụng cụ và tờ giấy bạc phía trên có ma túy rồi tự mình châm lửa đốt ma túy sử dụng. Sau khi sử dụng ma túy xong, T2 nói với Lương Thị Thu L3 “Có hút vài khói không, không sao đâu” (tức là rủ L3 sử dụng ma túy và sử dụng ma túy không sao đâu) thì L3 gật đầu đồng ý, T2 đưa chai nhựa cho L3 cầm còn T2 cầm giấy bạc có ma túy dùng bật lửa đốt cháy ma túy cho L3 sử dụng. Sau khi L3 sử dụng xong, thì L1 cầm chai nhựa đưa lên miệng, T cầm bật lửa và tờ giấy bạc có ma túy châm lửa đốt cho L1 sử dụng. Cứ như thế,

T, T2 sử dụng và giúp sức cho L1 và L3 lần lượt sử dụng cho đến lúc hết 03 viên ma túy hồng phiên nêu trên.

Về số ma túy thu giữ của Trần Đình T. Tại cơ quan điều tra Trần Đình T đã khai nhận: Trần Đình T là người nghiện ma túy, để có ma túy sử dụng cho nên vào ngày 08/8/2025, T sử dụng điện thoại di động của mình liên hệ đến số điện thoại có số thuê bao 0855672567 của một người đàn ông không quen biết và được người này giới thiệu tên là “Tú Sứ” để hỏi mua ma túy thì được người này đồng ý bán. Sau đó T đi đến khu vực trước Bảo hiểm xã hội Q (cũ) thuộc thôn A Q, xã Q, tỉnh Nghệ An mua của người đàn ông trên 100 viên ma túy loại H3 phiên được chứa trong 01 túi Zip màu xanh với số tiền 6.000.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, T cắt đầu trong người và đã sử dụng dần hết 33 viên ma túy. Số 67 viên ma túy còn lại T bỏ vào trong chiếc POD thuốc lá điện tử bằng nhựa màu xanh, trắng và cắt đầu trong người để sử dụng dần.

Tiếp đó, đến ngày 12/8/2025, Trần Đình T sử dụng số điện thoại 0372205750 của mình gọi điện đến số 0915434696 của Nguyễn Thế C1 (đều là người nghiện ma túy) để nhờ C1 đi mua ma túy loại heroine hộ với số tiền 2.000.000 đồng để sử dụng thì C1 đồng ý. Ngay lúc đó, T đã sử dụng tài khoản ngân hàng B của mình chuyển đến số tài khoản 21101959999 ngân hàng M4 của Nguyễn Thế C1 số tiền 2.000.000 đồng để mua ma túy. Khi nhận được tiền, C1 đã đi đến khu vực gần đường sắt thuộc xã Đ, tỉnh Nghệ An gặp một người đàn ông không quen biết và nhờ người này mua cho C1 số ma túy loại heroine với số tiền 2.000.000 đồng thì người này đồng ý cầm tiền của C1 rồi đi lấy ma túy, khoảng một lúc sau người này quay lại đưa cho C1 01 gói ma túy. C1 lấy gói ma túy đi đến khu vực nghĩa trang gần đó mở gói ma túy vừa mua được mở ra xem thì thấy bên trong có 02 gói nhỏ, bên trong các gói đều chứa chất bột màu trắng là ma túy heroine, C1 lấy mỗi gói ra bóp một phần rồi gói vào giấy bạc và cắt đầu vào người để sử dụng dần. Số ma túy còn lại Công gói lại rồi đi đến khu vực đường sắt mà T đang chờ và giao cho T số ma túy còn lại. T cầm lấy số ma túy vừa mua được cắt đầu trong người đưa về nhà để sử dụng, còn C1 sau khi bóp số ma túy mua cho T, C1 đưa về nhà sử dụng hết.

Tại Bản kết luận giám định 365/KL-KTHS (Đ2-MT) ngày 20/8/2025 của Phòng K5 Công an tỉnh N kết luận:

- Mẫu viên nén màu hồng (ký hiệu M1) thu giữ của Trần Đình T trong quá trình khám nghiệm hiện trường ngày 13/8/2025 gửi tới giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có tổng khối lượng là 6,39 gam (Sáu phẩy ba mươi chín gam).

- 02 (Hai) mẫu chất bột màu trắng (Ký hiệu M2, M3) thu giữ của Trần Đình T trong quá trình khám nghiệm hiện trường ngày 13/8/2025 gửi tới giám định là ma túy, loại heroine (H4), có tên khoa học là: Diacetylmorphine, được quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị định số 57/2022/NĐ-CP, ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất, có tổng khối lượng là 0,3 gam (Không phẩy ba gam).

Ngày 14/8/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã tiến hành trưng cầu V giám định chất ma túy đối với mẫu nước tiểu thu của Trần Đình T, Phạm Văn T2, Lương Thị Thu L3, Phan Thị L1.

Tại Bản kết luận giám định độc chất số: 636, 637, 638, 639/915/25/KLGĐĐC-PYQG, ngày 19/8/2025 của V, kết luận: Mẫu nước tiểu của Trần Đình T có tìm thấy M1, A, M2, không tìm thấy các chất ma túy khác; Phạm Văn T2, Lương Thị Thu L3, Phan Thị L1 có tìm thấy A, Methamphetamine, không tìm thấy các chất ma túy khác.

Ngày 03/12/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã ra Quyết định trưng cầu giám định về việc giám định kỹ thuật số và điện tử để phục hồi dữ liệu đối với 02 chiếc điện thoại di động thu giữ của Phạm Văn T2 và Trần Đình T. Trong đó chiếc điện thoại nhãn hiệu iPhone, màu xanh, tại vị trí mặt lưng có dán mảnh giấy ghi dòng chữ "959704 Trương 1995", chiếc điện thoại không mở được khóa màn hình, bên trong có gắn sim số điện thoại, trên bề mặt sim có logo "Viettel 4G" và dãy số "8984048000380641980" thu giữ của Phạm Văn T2 và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone Xr, màu đen, số IMEI: 358389743497294, số IMEI 2: 358389743634748, bên trong có gắn SIM, trên bề mặt SIM có logo "Viettel 4G" và dãy số "8984048000933444391" thu giữ của Trần Đình T để phục vụ công tác điều tra.

Bản kết luận giám định số 215/KL-KTHS(Đ3-KTSĐT) ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Phòng K5 Công an tỉnh N, kết luận: Không tiến hành giám định điện thoại nhãn hiệu iPhone, màu xanh, tại vị trí mặt lưng có dán mảnh giấy ghi dòng chữ "959704 Trương 1995" do hiện tại thiết bị và phần mềm chuyên dụng không kết nối được với thiết bị mẫu cần giám định. Không tìm thấy dữ liệu cuộc gọi, tin nhắn từ ngày 01/8/2025 đến hết ngày 13/8/2025 trong SIM có logo "Viettel 4G" và dãy số "8984048000380641980".

Bản kết luận giám định số 216/KL-KTHS(Đ3-KTSĐT) ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Phòng K5 Công an tỉnh N, kết luận: Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone Xr, màu đen, số IMEI: 358389743497294, số IMEI 2: 358389743634748, bên trong có gắn SIM, trên bề mặt SIM có logo "Viettel 4G" và dãy số "8984048000933444391", tìm thấy từ ngày 01/8/2025 đến hết ngày

13/8/2025: 307 cuộc gọi, 01 tin nhắn, 27 cuộc gọi, tin nhắn Zalo, không tìm thấy dữ liệu Facebook M3, không tìm thấy dữ liệu cuộc gọi, tin nhắn trong SIM.

Ngày 13/8/2025, Cơ quan điều tra đã phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Nghệ An tiến hành mở niêm phong USB kèm theo kết luận giám định nêu trên dưới sự chứng kiến của Trần Đình T và Phạm Văn T2 để kiểm tra dữ liệu phục hồi thì xác định: Vào ngày 13/8/2025, Phạm Văn T2 dùng tài khoản Zalo "Aq" nhắn tin, gọi điện đến tài khoản Z "Goldvang" (số điện thoại 0372205750) của Trần Đình T, lịch sử cuộc gọi, nội dung các tin nhắn trùng khớp với lời khai của các bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được. Ngoài ra, các dữ liệu phục hồi khác không chứa nội dung liên quan đến hành vi phạm tội của các đối tượng.

- Quá trình điều tra, Trần Đình T khai người đàn ông đã bán cho bị cáo Trần Đình T 100 viên ma túy loại hồng phiến vào ngày 08/8/2025 tại khu vực trước Bảo hiểm xã hội Quỳnh Lưu (cũ) thuộc thôn A Q, xã Q, tỉnh Nghệ An. Theo T khai người này tự giới thiệu tên là "T4 sút" nhưng không biết cụ thể danh tính, địa chỉ của người này. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã tiến hành các biện pháp xác minh, điều tra nhưng không xác minh được thông tin tên, tuổi, địa chỉ của người đã bán ma túy hồng phiến cho Trần Đình T, nên không đủ căn cứ tiếp tục điều tra, xác minh.

- Đối với hành vi Trần Đình T chuyển tiền cho Nguyễn Thế C1 để nhờ C1 đi mua hộ ma túy sử dụng vào các ngày 04, 05, 07 và 08/8/2025. Với các tài liệu, chứng cứ thu thập được chỉ có lời khai của các bị cáo mà không có tài liệu nào khác chứng minh, với lại số ma túy mua được thì cả T và C1 đã sử dụng hết, không xác định được khối lượng chất ma túy nên không đủ căn cứ để xử lý T và C1 về hành vi tàng trữ trái pháp chất ma túy các lần nêu trên.

- Đối với người đàn ông mà bị cáo Nguyễn Thế Công K3 đã bán số ma túy heroine cho C1 vào ngày 12/8/2025 và các ngày trước đó tại khu vực gần đường sắt thuộc xã Đ, tỉnh Nghệ An. Cơ quan điều tra đã áp dụng các biện pháp nghiệp vụ để tiến hành điều tra, xác minh làm rõ nhưng không có kết quả. Do không xác định được danh tính, địa chỉ cụ thể của người này nên không có căn cứ để điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với Trần Đình T đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà T thuộc thôn B Q, xã Q, tỉnh Nghệ An trước khi bị bắt quả tang. Quá trình xác minh, Trần Đình T không thuộc diện đối tượng bị khởi tố về tội "Sử dụng trái phép chất ma túy" theo Điều 256a Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, với hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" của T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã

chuyển hồ sơ đến Công an tỉnh N để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

- Đối với Nguyễn Thế C1, quá trình điều tra Công khai vào ngày 16/11/2025 tại nhà ở của C1 thuộc thôn Y, xã G, tỉnh Nghệ An, C1 đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy loại heroine (kết quả test nước tiểu đối với C1 cho dương tính với chất ma túy heroine). Quá trình xác minh, Nguyễn Thế C1 không thuộc diện đối tượng bị khởi tố về tội “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo Điều 256a Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, với hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” của C1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã chuyển hồ sơ đến Công an tỉnh N để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

- Đối với Lương Thị Thu L3 là người đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng hát số 03 quán K4 nhưng chỉ là người sử dụng, không có hành vi giúp sức, chuẩn bị công cụ, phương tiện để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên không đồng phạm về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Ngoài ra, quá trình xác minh, Lương Thị Thu L3 không thuộc diện đối tượng bị khởi tố về tội “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo Điều 256a Bộ luật hình sự. Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Lương Thị Thu L3 đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N chuyển hồ sơ đến Công an tỉnh N để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

- Đối với chủ quán K4 là bà Hồ Thị L4 không biết và cũng không giúp sức cho việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng hát số 03 do mình quản lý nên không phạm tội. Tuy nhiên, với vai trò là chủ quán, quản lý hoạt động của quán Karaoke nhưng đã thiếu kiểm tra, giám sát để xảy ra hoạt động tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại quán nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã chuyển hồ sơ đến Công an tỉnh N để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

- Đối với Hồ Bá Đ1 và Trần Thị N là những người có mặt tại phòng hát số 03 quán K4 nhưng đã đi ra khỏi phòng trước đó, không tham gia giúp sức cho việc Tổ chức sử dụng sử dụng trái phép chất ma túy và không sử dụng trái phép chất ma túy nên không phạm tội.

Cáo trạng số 49/CT-VKSKV4 ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Nghệ An truy tố bị cáo Trần Đình T về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại n khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Phạm Văn T2 và Phan Thị L1 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255

Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Thế C1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Đình T từ 07 năm tù đến 07 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ điểm n khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Đình T 05 năm tù đến 06 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Đình T phải chấp hành phạt chung cho cả hai tội từ 12 năm tù đến 13 năm 06 tháng tù.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với Phạm Văn T2. Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn T2 từ 07 năm tù đến 07 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt Phan Thị L1 từ 05 năm 06 tháng tù đến 06 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo xử phạt Nguyễn Thế C1 từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo vì không có thu nhập ổn định.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự: Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị tịch thu tiêu hủy các vật chứng là các công cụ các bị cáo dùng để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và số ma túy còn lại sau khi lấy mẫu giám định của bị cáo Trần Đình T. Đối với 03 chiếc điện thoại thu giữ của Trần Đình T, Phạm Văn T2, Nguyễn Thế C1 các bị cáo sử dụng để liên lạc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy Ban thường vụ Q1. Buộc Trần Đình T, Phạm

Văn T2, Phan Thị L1, Nguyễn Thế C1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố là đúng. Các bị cáo không có tranh luận gì về tội danh, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt với bị cáo.

Lời nói sau cùng các bị cáo nhận thấy lỗi lầm của mình và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Công an tỉnh N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 -Nghệ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Đình T, Phạm Văn T2, Phan Thị L1, Nguyễn Thế C1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với vật chứng vụ án, kết luận giám định, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định: Vào ngày 08/8/2025, Trần Đình T mua của một người đàn ông không quen biết tại khu vực trước Bảo hiểm xã hội Q (cũ) (thuộc thôn A Q, xã Q, tỉnh Nghệ An) 100 viên ma túy loại hồng phiến là ma túy Methamphetamine với số tiền 6.000.000 đồng, T đã sử dụng hết 33 viên. Ngày 12/8/2025, T tiếp tục nhờ Nguyễn Thế C1 mua hộ 01 gói ma túy heroine có khối lượng 0,3 gam. Đến khoảng 10 giờ 30 phút ngày 13/8/2025, T đưa số ma túy mua được đến quán K4 (thôn I Cầu G, xã Q, tỉnh Nghệ An) để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. T lấy 03 viên ma túy hồng phiến Methamphetamine đưa vào phòng hát số 03 của quán, rồi cùng Phạm Văn T2, Phan Thị L1 tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho nhau và cho Lương Thị Thu L3. Số ma túy còn lại gồm 64 viên ma túy hồng phiến Methamphetamine có khối lượng 6,39 gam và 0,3 gam ma túy heroine T cất giấu ở phía ngoài phòng hát nhằm mục đích sử dụng dần.

[3]. Các bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và không thuộc trường hợp không phải chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo Trần Đình T đã có hành

vi tàng trữ 64 viên ma túy hồng phiến là ma túy Methamphetamine có khối lượng 6,39 gam và 0,3 gam ma túy heroine với mục đích để sử dụng. Bị cáo Nguyễn Thế C1 đã mua giúp bị cáo Trần Đình T 0,3 gam ma túy heroine. Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo Trần Đình T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Thế C1 đồng phạm với bị cáo Trần Đình T về hành vi tàng trữ trái phép 0,3 gam ma túy heroine. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thế C1 đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo T chuẩn bị ma túy hồng phiến, chuẩn bị ống hút, mảnh giấy bạc, cùng với chai nước làm thành bộ dụng cụ sử dụng ma túy để cùng với Phan Thị L1, Phạm Văn T2 tổ chức sử dụng ma túy cho nhau và cho Lương Thị Thu L3. Bị cáo Phạm Văn T2 gọi điện thoại cho Trần Đình T khởi xướng việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Phan Thị L1 là nhân viên của quán K4 thấy bị cáo T và T2 có ý định sử dụng ma túy, biết chủ quán không cho phép ai sử dụng ma túy trong quán karaoke nhưng không ngăn cản mà đồng ý cho các bị cáo sử dụng trong phòng hát số 03. Bị cáo L1 sử dụng tờ giấy thấm nước dán lên kính cửa phòng hát karaoke để tránh bị phát hiện hành vi sử dụng ma túy của T và T2, giúp bị cáo T chuẩn bị chai nước để làm thành bộ dụng cụ sử dụng ma túy. Hành vi của các bị cáo Trần Đình T, Phạm Văn T2, Phan Thị L1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng truy tố hành vi của các bị cáo Trần Đình T, Phạm Văn T2, Nguyễn Thế C1, Phan Thị L1 là đúng người, đúng pháp luật.

[4]. Vụ án có tính chất rất nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của nhà nước. Mặc dù các bị cáo nhận thức được ma túy là chất gây nghiện, phá hủy hệ thần kinh, khiến người sử dụng lệ thuộc vào chất ma túy, hủy hoại sức khỏe của những người sử dụng khiến họ không còn có cuộc sống bình thường. Quá trình sử dụng ma túy gây ra ảo giác, ngáo đá gây ảnh hưởng đến chính bản thân bị cáo và những người xung quanh. Nhưng các bị cáo T, T2, L1 bất chấp sự nghiêm cấm của pháp luật vẫn tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo C1 giúp sức cho bị cáo T mua ma túy để sử dụng. Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt tù với các bị cáo mới đủ nghiêm và đủ sức răn đe phòng ngừa chung tội phạm. Vụ án có đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn. Trong đó T là người giữ vai trò chính. Bị cáo T2 là người khởi xướng việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo L1 là người giúp sức cho bị cáo T.

[5]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trần Đình T, Phạm Văn T2, Phan Thị L1, Nguyễn Thế C1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo Trần Đình T, Phạm Văn T2, Phan Thị L1, Nguyễn Thế C1 quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phan Thị L1 có bố đẻ là ông Phan Trọng H được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất, có mẹ đẻ là bà Phạm Thị H1 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tặng Bằng khen là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Thế C1 có bố đẻ là ông Nguyễn Thế H2 được nhà nước tặng thưởng nhiều Huân chương kháng chiến hạng ba, Huy chương chiến công hạng nhì là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Đình T có ông bà nội là người có công với cách mạng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6]. Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra có thu giữ các vật chứng. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy số vật chứng gồm: bộ C3 sử dụng ma túy do Trần Đình T chế tạo và số ma túy thu giữ của Trần Đình T trong quá khám xét hiện trường còn lại sau khi giám định và các vỏ bao niêm phong cũ. Đối với 03 chiếc điện thoại thu giữ của Trần Đình T, Phạm Văn T2, Nguyễn Thế C1 các bị cáo sử dụng liên lạc để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng gì lớn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8]. Về án phí: Các bị cáo Trần Đình T, Phạm Văn T2, Phan Thị L1, Nguyễn Thế C1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025.

Xử phạt bị cáo Trần Đình T 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ điểm n khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025.

Xử phạt bị cáo Trần Đình T 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào Điều 55 của Bộ luật hình sự. Buộc bị cáo Trần Đình T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 12 (năm) 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 14 tháng 8 năm 2025.

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T2 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 14/8/2025.

3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025.

Xử phạt bị cáo Phan Thị L1 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 14/8/2025.

4. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế C1 03 (ba) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 17/11/2025.

5. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy các vật chứng gồm:

- 01 (một) chai nhựa màu trong suốt có nắp màu xanh, bị biến dạng, co quắp; 01 ống hút bằng tre khô, màu nâu, dài 10cm; 01 mẫu giấy bạc đã bị cháy đen; 01 (một) chiếc bật lửa màu đỏ, trên thân có ký hiệu "555 VIP HOA VIET" kích thước (7,5x2,3)cm; 01 (một) chiếc bật lửa màu đỏ, kích thước (7,5x2,3) cm. Tất cả được niêm phong trong túi niêm phong mã số NS1 24059967.

- 01 (Một) túi giấy màu trắng, dây thun màu trắng, hai túi giấy bên trong và túi niêm phong ban đầu được niêm phong trong một bì thư giám kín, trên

mép có hình con dấu của cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh N và chữ ký của những người tham gia hội đồng mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong lại, chữ ký của Trần Đình T.

- 5,7 gam viên nén màu hồng (57 viên nén màu hồng); 01 (một) chiếc POD thuốc lá điện tử bằng nhựa, màu xanh trắng, kích thước (11x2)cm và túi niêm phong ban đầu được niêm phong trong một bì thư gián kín, trên mép có hình con dấu của cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh N và chữ ký của những người tham gia hội đồng mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong lại, chữ ký của Trần Đình T.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước các vật chứng gồm:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO 1935 màu đen, số IMEI 1: 862101048427499, số IMEI 2: 862101048427481, tại thời điểm thu giữ bên trong có gắn một chiếc sim điện thoại có số thuê bao "0915434696", điện thoại đã qua sử dụng.

- 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu iPhone, màu xanh, tại vị trí mặt lưng có dán mảnh giấy ghi dòng chữ "959704 Trương 1995", chiếc điện thoại không mở được khóa màn hình, bên trong có gắn sim số điện thoại, trên bề mặt sim có logo "Viettel 4G" và dãy số "8984048000380641980", chiếc điện thoại đã qua sử dụng.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu iPhone Xr, màu đen, số IMEI 1: 358389743497294, số IMEI 2: 358389743634748, bên trong có gắn sim số điện thoại, trên bề mặt sim có logo "Viettel 4G" và dãy số "8984048000933444391", chiếc điện thoại đã qua sử dụng.

Vật chứng theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng được lập ngày 25 tháng 12 năm 2025 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh N và Phòng thi hành án khu vực 4-Nghệ An.

6. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy Ban thường vụ Q1 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Đình T, Phạm Văn T2, Phan Thị L1, Nguyễn Thế C1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An nội dung liên qua đến quyền lợi

của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Người có QLNV liên quan;
- VKSND khu vực 4-Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Nghệ An;
- Công an xã Quỳnh Lưu, xã Vân Tụ, xã Gia Lạc;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Quỳnh Lưu; xã Vân Tụ, xã Gia Lạc
- Đảng ủy xã Gia Lạc (bị cáo Công là đảng viên);
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Phạm Hồng Lĩnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Hữu Thỏa Hồ Thị Thúy Hằng

Phạm Hồng Lĩnh

